

Số: 401/QĐ-ĐHPY

Phú Yên, ngày 25 tháng 8 năm 2017

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Chương trình đào tạo ngành Giáo dục Mầm non
trình độ đại học, hệ chính quy, khóa đào tạo 2017-2021**

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC PHÚ YÊN

Căn cứ Luật Giáo dục đại học ngày 18 tháng 6 năm 2012;

Căn cứ Quyết định số 112/QĐ-TTg, ngày 24 tháng 01 năm 2007 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Trường Đại học Phú Yên;

Căn cứ Quyết định số 751/QĐ-UBND, ngày 12 tháng 4 năm 2017 của Chủ tịch UBND tỉnh Phú Yên về việc phân công phụ trách Trường Đại học Phú Yên;

Căn cứ Thông tư số 07/2015/TT-BGDĐT, ngày 16 tháng 4 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định “Về khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp đối với mỗi trình độ đào tạo của giáo dục đại học và quy trình xây dựng, thẩm định, ban hành chương trình đào tạo trình độ ĐH, thạc sĩ, tiến sĩ”;

Căn cứ Quyết định số 454/QĐ-ĐHPY, ngày 31/8/2015 của Hiệu trưởng Trường Đại học Phú Yên Quy định về việc Ban hành Quy định về khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp trình độ đại học, cao đẳng và quy trình xây dựng, thẩm định, ban hành chương trình đào tạo trình độ đại học, cao đẳng;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Đào tạo và Trưởng khoa Khoa Giáo dục Tiểu học - Mầm non Trường Đại học Phú Yên;

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này chương trình đào tạo ngành **Giáo dục Mầm non (mã số 52140201)** trình độ đại học hệ chính quy, khoá đào tạo 2017-2021.

Điều 2. Căn cứ chương trình này, các khoa, bộ môn có trách nhiệm tổ chức cho giảng viên xây dựng *Đề cương chi tiết học phần* để sử dụng chính thức trong giảng dạy. Chương trình này được công bố công khai cho sinh viên thuộc ngành đào tạo biết khi bắt đầu khóa học.

Điều 3. Trưởng phòng Đào tạo, Trưởng khoa Khoa Giáo dục Tiểu học - Mầm non, các phòng, ban, khoa, bộ môn có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Lưu ĐT, VT.

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG



**TRƯỜNG
ĐẠI HỌC
PHÚ YÊN**

TS. Nguyễn Định

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Tên chương trình: GIÁO DỤC MẦM NON

Trình độ đào tạo: ĐẠI HỌC

Ngành đào tạo: GIÁO DỤC MẦM NON (Early Childhood Education)

Mã số: 52140201. Loại hình đào tạo: HỆ CHÍNH QUY

(Ban hành kèm theo Quyết định số 404/QĐ-ĐHPY ngày 25 tháng 8 năm 2017 của Hiệu trưởng Trường Đại học Phú Yên)

1. Mục tiêu đào tạo

1.1. Mục tiêu chung:

Chương trình đào tạo trình độ Đại học ngành Giáo dục mầm non (GDMN) nhằm đào tạo giáo viên mầm non (GVMN) có tư tưởng đạo đức tốt, có năng lực, phẩm chất nghề nghiệp vững vàng, có tinh thần trách nhiệm với trẻ, có tư duy giáo dục hiện đại đáp ứng yêu cầu phát triển của GDMN trong điều kiện nền kinh tế tri thức, có năng lực tiếp cận và phát triển chương trình GDMN mới, có tiềm lực nghiên cứu khoa học, có khả năng làm việc độc lập, sáng tạo và giải quyết những vấn đề thuộc ngành GDMN.

1.2. Mục tiêu cụ thể:

1.2.1. Về kiến thức:

- Hiểu biết về kiến thức khoa học tự nhiên và khoa học xã hội nhân văn, kiến thức cơ sở ngành giáo dục mầm non để thực hiện nhiệm vụ chăm sóc và giáo dục đáp ứng yêu cầu đào tạo giáo dục mầm non.

- Hiểu và vận dụng kiến thức chuyên ngành vào việc chăm sóc và giáo dục trẻ, đánh giá sự phát triển của trẻ mầm non: vấn đề an toàn, phòng tránh và xử lý ban đầu các tai nạn thường gặp ở trẻ; vệ sinh cá nhân, vệ sinh môi trường và giáo dục kỹ năng tự phục vụ cho trẻ; dinh dưỡng, an toàn thực phẩm và giáo dục dinh dưỡng cho trẻ; về một số bệnh thường gặp ở trẻ, cách phòng bệnh và xử lý ban đầu.

- Vận dụng thành thạo kiến thức về nghiệp vụ sư phạm: tâm lý học, giáo dục học, phương pháp dạy học (phương pháp tổ chức hoạt động vui chơi cho trẻ; phương pháp phát triển nhận thức và ngôn ngữ cho trẻ, phương pháp hướng dẫn trẻ khám phá môi trường xung quanh...) trong công tác chăm sóc và giáo dục trẻ mầm non.

1.2.2. Về kỹ năng:

- Lập được kế hoạch chăm sóc, giáo dục trẻ.

- Tổ chức thực hiện các hoạt động chăm sóc sức khỏe cho trẻ: tổ chức nhóm, lớp; hướng dẫn trẻ rèn luyện một số kỹ năng tự phục vụ; phòng tránh và xử trí ban đầu một số bệnh, tai nạn thường gặp đối với trẻ.

- Tổ chức các hoạt động giáo dục trẻ phát huy tính tích cực, sáng tạo của trẻ; đánh giá và có phương pháp chăm sóc, giáo dục trẻ phù hợp.

- Có kỹ năng quản lý lớp học, xây dựng và thực hiện kế hoạch quản lý nhóm, lớp gắn với kế hoạch hoạt động chăm sóc và giáo dục trẻ; thiết kế và sử dụng hiệu quả đồ dùng dạy học.

- Có kỹ năng giao tiếp, ứng xử với trẻ, đồng nghiệp, phụ huynh và cộng đồng.

- Có kỹ năng nghiên cứu khoa học giáo dục mầm non và quản lý giáo dục mầm non

- Đánh giá hiệu quả và điều chỉnh kế hoạch giáo dục.

1.2.3. Về phẩm chất đạo đức:

- Chấp hành pháp luật, chính sách của Nhà nước, các quy định của ngành, quy định của trường, kỷ luật lao động.
- Yêu nghề, tận tụy với nghề, sẵn sàng khắc phục khó khăn hoàn thành nhiệm vụ.
- Có đạo đức, nhân cách và lối sống lành mạnh, trong sáng của nhà giáo; có ý thức phấn đấu vươn lên trong nghề nghiệp.
- Trung thực trong công tác, đoàn kết trong quan hệ với đồng nghiệp; tận tình phục vụ nhân dân và trẻ.

1.2.4. Vị trí việc làm sau tốt nghiệp:

- Làm giáo viên tại các trường và các cơ sở GDMN;
- Làm Cán bộ quản lý tại các trường, cơ sở Giáo dục Mầm non, các Phòng giáo dục, Sở Giáo dục và Đào tạo.
- Làm giảng viên tại các trường Sư phạm đào tạo giáo viên mầm non.

1.2.5. Trình độ ngoại ngữ, tin học:

- Tiếng Anh: đạt trình độ Tiếng Anh bậc 3 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam tại Thông tư 01/2014/TT-BGDĐT; sử dụng được tiếng Anh trong đọc, dịch và nghiên cứu tài liệu chuyên ngành.

- Tin học: đạt chuẩn kỹ năng sử dụng CNTT cơ bản (*Theo thông tư Số: 03/2014/TT-BTTTT, ngày 11 tháng 03 năm 2014 của Bộ thông Tin và Truyền Thông*); sử dụng thành thạo các phần mềm tin học trong soạn thảo văn bản, xử lý số liệu, thiết kế bài giảng điện tử và thuyết trình. Khai thác hiệu quả các phần mềm chuyên ngành, Internet phục vụ cho công việc

1.2.6. Khả năng học tập nâng cao:

Học sau đại học chuyên ngành GDMN và nghiên cứu khoa học sư phạm ứng dụng.

2. Thời gian đào tạo: 4 năm.

3. Khối lượng kiến thức toàn khoá: 131 TC (*chưa kể kiến thức về Giáo dục thể chất 3 TC và Giáo dục quốc phòng – an ninh 8 TC*).

TT	Cấu trúc kiến thức của chương trình	Tín chỉ	Tín chỉ bắt buộc	Tín chỉ tự chọn
1	Khối giáo dục đại cương (<i>chưa kể giáo dục thể chất và giáo dục quốc phòng - an ninh</i>)	44	40	4
2	Khối giáo dục chuyên nghiệp	87	79	8
2.1	Kiến thức cơ sở ngành	25	21	4
2.2	Kiến thức ngành	33	29	4
2.3	Kiến thức nghiệp vụ sư phạm	15	15	0
2.4	Thực tập sư phạm	7	7	0
2.5	Khóa luận tốt nghiệp hoặc học phần thay thế	7	7	0
Tổng cộng		131	119	12

4. Đối tượng tuyển sinh: Thí sinh tốt nghiệp trung học phổ thông hoặc tương đương. Các quy định khác theo quy chế tuyển sinh đại học, cao đẳng hệ chính quy của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

5. Quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp: Thực hiện theo Quyết định số 43/2007/QĐ-BGDĐT ngày 15 tháng 8 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về đào tạo theo hệ thống tín chỉ và theo Quy chế học vụ của Trường Đại học Phú Yên ban hành kèm Quyết định 397/QĐ/ĐHPY ngày 3/8/2015 của Hiệu trưởng Trường Đại Học Phú Yên.

Tích lũy đủ số tín chỉ (chưa kể Giáo dục thể chất 3 tín chỉ và Giáo dục quốc phòng – an ninh 165 tiết) theo chương trình đã được thiết kế.

6. Thang điểm: Thực hiện theo Quyết định số 43/2007/QĐ-BGDĐT ngày 15 tháng 8 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về đào tạo theo hệ thống tín chỉ. Theo Quy chế học vụ của Trường Đại học Phú Yên ban hành kèm Quyết định 397 QĐ/ĐHPY ngày 3/8/2015 của Hiệu trưởng Trường Đại học Phú Yên.

7. Nội dung chương trình

TT	Mã HP	Tên học phần	Số TC	Số tiết				Điều kiện tiên quyết (số thứ tự HP)
				LT	BT	TH	TT	
7.1.	Kiến thức giáo dục đại cương		44	525	96	78	0	
7.1.1	Lý luận chính trị		10	150	0	0	0	
1	LC110012	Những nguyên lý cơ bản của CN Mác-Lênin 1	2	30	0	0	0	
2	LC110113	Những nguyên lý cơ bản của CN Mác-Lênin 2	3	45	0	0	0	1
3	LC120012	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	30	0	0	0	2
4	LC120113	Đường lối cách mạng của Đảng CS Việt Nam	3	45	0	0	0	3
7.1.2	Ngoại ngữ		12	120	60	0	0	
5	NG116263	Tiếng Anh 1 (B1.1)	3	30	15	0	0	
6	NG116273	Tiếng Anh 2 (B1.2)	3	30	15	0	0	5
7	NG116283	Tiếng Anh 3 (B1.3)	3	30	15	0	0	6
8	NG116173	Tiếng Anh 4 (Tiếng Anh chuyên ngành Giáo dục Mầm non)	3	30	15	0	0	7
7.1.3	Khoa học xã hội và nhân văn		13	155	25	30	0	
	- Bắt buộc:		9	105	15	30	0	
9	TM121113	Tiếng Việt	3	30	15	0	0	
10	LC130012	Pháp luật đại cương	2	30	0	0	0	1
11	TL111322	Kỹ năng tổ chức hoạt động trải nghiệm	2	15	0	30	0	
12	TL111132	Phương pháp nghiên cứu khoa học giáo dục	2	30	0	0	0	
	- Tự chọn: (4/6TC)		4	50	10	0	0	
13	XH140012	Cơ sở văn hóa Việt Nam	2	26	4	0	0	
14	LC110132	Mỹ học đại cương	2	30	0	0	0	
15	LC120142	Đạo đức học	2	20	10	0	0	
7.1.4	Khoa học tự nhiên- công nghệ		9	100	11	48	0	
16	TN114042	Thông kê giáo dục	2	19	11	0	0	
17	TM122012	Cơ sở lý thuyết tập hợp và logic toán	2	30	0	0	0	
18	TM123112	Môi trường và con người	2	26	0	8	0	
19	KC100013	Tin học đại cương	3	25	0	40	0	
7.1.5	Giáo dục thể chất		3	0	0	90	0	
20	TC150011	Giáo dục thể chất 1	1	0	0	30	0	
21	TC151011	Giáo dục thể chất 2	1	0	0	30	0	20
22	TC152011	Giáo dục thể chất 3	1	0	0	30	0	21
7.1.6	Giáo dục quốc phòng – an ninh							
23	TC160018	Giáo dục quốc phòng – an ninh	8 tín chỉ = 165tiết					
7.2	Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp		87	796	114	550	360	giờ
7.2.1	Kiến thức cơ sở ngành		25	276	34	130	0	
	-Bắt buộc:		21	221	29	130	0	
24	XH110092	Văn học trẻ em	2	30	0	0	0	
25	TN142202	Sự phát triển thể chất trẻ em lứa tuổi mầm non	2	30	0	0	0	
26	NT110902	Âm nhạc	2	15	0	30	0	
27	NT120702	Mỹ thuật	2	15	0	30	0	
28	TM123422	Phòng bệnh và đảm bảo an toàn cho trẻ	2	26	4	0	0	
29	TM123453	Vệ sinh - chăm sóc trẻ em	3	30	0	30	0	28

30	TM123442	Dinh dưỡng trẻ em	2	20	5	10	0	28
31	TL111152	Giáo dục hòa nhập	2	25	5	0	0	55
32	KC100122	Ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học mầm non	2	15	0	30	0	19
33	TM121072	Tiếng Việt thực hành	2	15	15	0	0	
	- Tự chọn: (4/6TC)		4	55	5	0	0	
34	TL111172	Đánh giá trong giáo dục mầm non	2	30	0	0	0	
35	TL111142	Giáo dục gia đình	2	25	5	0	0	57
36	NT110712	Đàn phím điện tử	2	15	0	30	0	
7.2.2	Kiến thức ngành:		33	300	30	300	45	giờ
	- Bắt buộc:		29	255	30	270	45	giờ
37	TL120082	Tổ chức thực hiện chương trình giáo dục mầm non	2	30	0	0	0	
38	TL111183	Tổ chức hoạt động vui chơi	3	35	10	0	0	
39	NT111702	Phương pháp tổ chức hoạt động âm nhạc	2	15	0	30	0	26
40	NT121723	Phương pháp tổ chức hoạt động tạo hình cho trẻ em	3	30	0	30	0	27
41	TC143022	Phương pháp Giáo dục thể chất cho trẻ mầm non	2	15	0	30	0	22
42	TM122173	Tổ chức hoạt động hình thành biểu tượng toán học cho trẻ em	3	30	0	30	0	17
43	TM121073	Tổ chức hoạt động cho trẻ làm quen với tác phẩm văn học	3	30	15	0	0	
44	TM121063	Phương pháp phát triển ngôn ngữ cho trẻ Mầm non	3	30	0	30	0	9
45	TM123213	Phương pháp hướng dẫn trẻ khám phá môi trường xung quanh	3	25	5	30	0	
46	NT120712	Làm đồ chơi cho trẻ mầm non	2	15	0	30	0	27
47	NT112702	Múa và biên soạn động tác múa	2	0	0	60	0	
48	TM123511	Tham quan thực tế	1	0	0	0	45	giờ
	- Tự chọn (4/6TC)		4	45	0	30	0	
49	XH112002	Văn học dân gian	2	30	0	0	0	
50	NT120722	Nghệ thuật tạo hình	2	15	0	30	0	27
51	TC132022	Thế dục nghệ thuật	2	15	0	30	0	41
7.2.3	Kiến thức nghiệp vụ sư phạm		15	140	25	120	0	
52	TL110012	Tâm lý học đại cương	2	25	5	0	0	1
53	TL110082	Tâm lý học trẻ em	2	25	5	0	0	1
54	TL111102	Giáo dục học đại cương	2	25	5	0	0	1
55	TL111123	Giáo dục học mầm non	3	35	10	0	0	54
56	TL110011	Rèn luyện NVSP thường xuyên 1	1	0	0	30	0	52
57	TL110081	Rèn luyện NVSP thường xuyên 2	1	0	0	30	0	56
58	TL110091	Rèn luyện NVSP thường xuyên 3	1	0	0	30	0	57
59	TL110101	Rèn luyện NVSP thường xuyên 4	1	0	0	30	0	58
60	TL111202	Quản lý nhà trường	2	30	0	0	0	53,55
7.2.4	Thực tập sư phạm tốt nghiệp		7	0	0	0	315	giờ
61	DT100027	Thực tập sư phạm tốt nghiệp (10 tuần)	7	0	315	giờ		
7.2.5	Khóa luận tốt nghiệp hoặc học phần thay thế		7					

	Khoá luận tốt nghiệp		7					
	Các học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp		7	80	25	0	0	
62	TL110092	Giao tiếp với trẻ em	2	25	5	0	0	55
63	TM121043	Phương pháp đọc, kể diễn cảm tác phẩm văn học	3	30	15	0	0	24
64	TL111162	Nghề Giáo viên mầm non	2	25	5	0	0	55
Tổng cộng			131	1321	210	628	360	giờ

Ghi chú: Điều kiện tiên quyết thực hiện theo quy định của Trường Đại học Phú Yên.

8. Kế hoạch giảng dạy (dự kiến)

8.1. Học kỳ I: 16 TC (bắt buộc)

TT	Mã HP	Học phần	Số TC	Số tiết				Ghi chú
				LT	BT	TH	TT	
1	LC110012	Những nguyên lý cơ bản của CN Mác-Lênin 1	2	30	0	0	0	
2	NG116263	Tiếng Anh 1(B1.1)	3	30	15	0	0	
3	TC150011	Giáo dục thể chất 1	1	0	0	30	0	
4	TM122012	Cơ sở lý thuyết tập hợp và logic toán	2	30	0	0	0	
5	TN142202	Sự phát triển thể chất trẻ em lứa tuổi mầm non	2	30	0	0	0	
6	TM121113	Tiếng Việt	3	30	15	0	0	
7	TL120082	Tổ chức thực hiện chương trình giáo dục mầm non	2	30	0	0	0	
8	XH110092	Văn học trẻ em	2	30	0	0	0	
Tổng cộng			16	210	30	0	0	

8.2. Học kỳ II: 17 TC (bắt buộc)

TT	Mã HP	Học phần	Số TC	Số tiết				Ghi chú
				LT	BT	TH	TT	
1	LC110113	Những nguyên lý cơ bản của CN Mác-Lênin 2	3	45	0	0	0	
2	NG116273	Tiếng Anh 2 (B1.2)	3	30	15	0	0	
3	TC151011	Giáo dục thể chất 2	1	0	0	30	0	
4	TL110012	Tâm lý học đại cương	2	25	5	0	0	
5	TL110082	Tâm lý học trẻ em	2	25	5	0	0	
6	TN114042	Thông kê giáo dục	2	19	11	0	0	
7	KC100013	Tin học đại cương	3	25	0	40	0	
Tổng cộng			15	169	36	40	0	

8.3. Học kỳ III: 18 TC (bắt buộc: 14 TC, tự chọn: 4 TC)

TT	Mã HP	Học phần	Số TC	Số tiết				Ghi chú
				LT	BT	TH	TT	
-Bắt buộc:			14	201	20	68	0	
1	LC120012	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	30	0	0	0	
2	NG116283	Tiếng Anh 3 (B1.3)	3	30	15	0	0	
3	TC152011	Giáo dục thể chất 3	1	0	0	30	0	
4	TM123112	Môi trường và con người	2	26	0	8	0	
5	TL111102	Giáo dục học đại cương	2	25	5	0	0	
6	LC130012	Pháp luật đại cương	2	30	0	0	0	
7	TL110011	Rèn luyện NVSP thường xuyên 1	1	0	0	30	0	
8	TL111322	Kỹ năng tổ chức hoạt động trải nghiệm	2	15	0	30	0	
-Tự chọn:			4	50	10	0	0	
9	XH140012	Cơ sở văn hoá Việt Nam	2	26	4	0	0	Chọn
10	LC110132	Mỹ học đại cương	2	30	0	0	0	4/6 TC

11	LC120142	Đạo đức học	2	20	10	0	0	
Tổng cộng			18	206	30	68	0	

8.4. Học kỳ IV: 18 TC (bắt buộc)

TT	Mã HP	Học phần	Số TC	Số tiết				Ghi chú
				LT	BT	TH	TT	
1	LC120113	Đường lối cách mạng của Đảng CS Việt Nam	3	45	0	0	0	
2	NG116173	Tiếng Anh 4 (Tiếng Anh chuyên ngành Mầm non)	3	30	15	0	0	
3	NT110902	Âm nhạc	2	15	0	30	0	
4	TL111123	Giáo dục học mầm non	3	35	10	0	0	
5	NT120702	Mỹ thuật	2	15	0	30	0	
6	TM123422	Phòng bệnh và đảm bảo an toàn cho trẻ	2	26	4	0	0	
7	TL110081	Rèn luyện NVSP thường xuyên 2	1	0	0	30	0	
8	TM121072	Tiếng Việt thực hành	2	15	15	0	0	
9	TC160018	Giáo dục Quốc phòng – an ninh	8	8 tín chỉ = 165tiết				
Tổng cộng			18	181	44	90	0	

8.5. Học kỳ V: 17 TC (bắt buộc: 13 TC, tự chọn: 4 TC)

TT	Mã HP	Học phần	Số TC	Số tiết				Ghi chú
				LT	BT	TH	TT	
- Bắt buộc:			13	90	0	180	45 giờ	
1	NT112702	Múa và biên soạn động tác múa	2	0	0	60	0	
2	TM122173	Tổ chức hoạt động hình thành biểu tượng toán cho trẻ em	3	30	0	30	0	
3	TM123511	Tham quan thực tế	1	0	0	0	45 giờ	1 tuần
4	NT121723	Phương pháp tổ chức hoạt động tạo hình cho trẻ em	3	30	0	30	0	
5	TL110091	Rèn luyện NVSP thường xuyên 3	1	0	0	30	0	
6	TM121063	Phương pháp phát triển ngôn ngữ cho trẻ mầm non	3	30	0	30	0	
- Tự chọn:			4	55	5	0	0	
7	TL111172	Đánh giá trong giáo dục mầm non	2	30	0	0	0	Chọn 4/6 TC
8	TL111142	Giáo dục gia đình	2	25	5	0	0	
9	NT110712	Đàn phím điện tử	2	15	0	30	0	
Tổng cộng			17	145	5	180	45 giờ	

8.6. Học kỳ VI: 16 TC (bắt buộc)

TT	Mã HP	Học phần	Số TC	Số tiết				Ghi chú
				LT	BT	TH	TT	
1	TL111183	Tổ chức hoạt động vui chơi	3	35	10	0	0	
2	TM121073	Tổ chức hoạt động cho trẻ làm quen tác phẩm văn học	3	30	15	0	0	
3	NT111702	Phương pháp tổ chức hoạt động âm nhạc	2	15	0	30	0	
4	TM123453	Vệ sinh – chăm sóc trẻ em	3	30	0	30	0	
5	TC143022	Phương pháp giáo dục thể chất cho trẻ mầm non	2	15	0	30	0	
6	TL111152	Giáo dục hòa nhập	2	25	5	0	0	
8	TL110101	Rèn luyện NVSP thường xuyên 4	1	0	0	30	0	
Tổng cộng			16	150	30	120	0	

8.7. Học kỳ VII: 17 TC (bắt buộc: 13 TC, tự chọn: 4 TC)

TT	Mã HP	Học phần	Số TC	Số tiết				Ghi chú
				LT	BT	TH	TT	
	- Bắt buộc		13	135	10	100	0	
1	NT120712	Làm đồ chơi cho trẻ mầm non	2	15	0	30	0	
2	TM123213	Phương pháp hướng dẫn trẻ khám phá môi trường xung quanh	3	25	5	30	0	
3	TL111132	Phương pháp nghiên cứu khoa học giáo dục	2	30	0	0	0	
4	TL111202	Quản lý nhà trường	2	30	0	0	0	
5	TM123442	Dinh dưỡng trẻ em	2	20	5	10	0	
6	KC100122	Ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học mầm non	2	15	0	30	0	
	- Tự chọn (4/6TC)		4	45	0	30	0	
7	XH112002	Văn học dân gian	2	30	0	0	0	Chọn 4/6 TC
8	NT120722	Nghệ thuật tạo hình	2	15	0	30	0	
9	TC132022	Thế dục nghệ thuật	2	15	0	30	0	
Tổng cộng			17	180	10	130	0	

8.8. Học kỳ VIII: 14 TC (bắt buộc)

TT	Mã HP	Học phần	Số TC	Số tiết				Ghi chú
				LT	BT	TH	TT	
1	DT100027	Thực tập sư phạm tốt nghiệp	7	0	0	0	315 giờ	10 tuần
2	Khoá luận tốt nghiệp hoặc học phần thay thế		7					
2a	<i>Khóa luận tốt nghiệp</i>		7					
2b	<i>Các học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp</i>		7	80	25	0	0	
1	TL110092	Giao tiếp với trẻ em	2	25	5	0	0	
2	TL111162	Nghề giáo viên mầm non	2	25	5	0	0	
3	TM121043	Phương pháp đọc, kể diễn cảm tác phẩm văn học	3	30	15	0	0	
Tổng cộng			14	80	25	0	315 giờ	

9. Mô tả vắn tắt nội dung và khối lượng các học phần

9.1. Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin 1

2 TC

Điều kiện tiên quyết: Không.

Học phần với những tri thức khái quát về thế giới quan và phương pháp luận của chủ nghĩa Mác-Lênin. Học phần có những nội dung cơ bản sau:

Những kiến thức cơ bản về chủ nghĩa duy vật biện chứng: Vật chất – ý thức và mối quan hệ giữa vật chất và ý thức; phép biện chứng và phép biện chứng duy vật; các nguyên lý cơ bản, các phạm trù và quy luật của phép biện chứng duy vật; lý luận nhận thức.

Những kiến thức cơ bản về chủ nghĩa duy vật lịch sử: Quy luật quan hệ sản xuất phù hợp với trình độ phát triển của lực lượng sản xuất; biện chứng giữa cơ sở hạ tầng và kiến trúc thượng tầng; tồn tại xã hội và ý thức xã hội; hình thái kinh tế - xã hội; đấu tranh giai cấp và cách mạng xã hội; quan điểm của chủ nghĩa duy vật lịch sử về con người và vai trò sáng tạo lịch sử của quần chúng nhân dân.

9.2. Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin 2

3 TC

Điều kiện tiên quyết: Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin 1.

Học phần với những tri thức khái quát về thế giới quan và phương pháp luận của chủ nghĩa Mác-Lênin. Học phần có những nội dung cơ bản sau:

Những kiến thức cơ bản về kinh tế - chính trị học Mác – Lênin: Học thuyết giá trị và giá trị thặng dư; học thuyết về chủ nghĩa tư bản độc quyền và chủ nghĩa tư bản độc quyền nhà nước.

Những kiến thức cơ bản về chủ nghĩa xã hội khoa học: Sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân và cách mạng xã hội chủ nghĩa; những vấn đề chính trị - xã hội có tính quy luật trong tiến trình cách mạng xã hội chủ nghĩa; chủ nghĩa xã hội hiện thực và triển vọng.

9.3. Tư tưởng Hồ Chí Minh

2 TC

Điều kiện tiên quyết: Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin 2.

Học phần khái quát những kiến thức cơ bản và có hệ thống về:

Cơ sở, quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh; vấn đề dân tộc và cách mạng giải phóng dân tộc; chủ nghĩa xã hội và con đường quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta; về Đảng Cộng sản Việt Nam; đại đoàn kết dân tộc và đoàn kết quốc tế; dân chủ và xây dựng nhà nước của dân, do dân, vì dân; văn hóa, đạo đức và xây dựng con người mới. Đặc biệt nhấn mạnh sự vận dụng sáng tạo tư tưởng Hồ Chí Minh của Đảng và Nhà nước ta trong thực tiễn cách mạng Việt Nam, nhất là trong thời kỳ đổi mới đất nước hiện nay.

9.4. Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam

3 TC

Điều kiện tiên quyết: Tư tưởng Hồ Chí Minh

Học phần khái quát những kiến thức cơ bản và có hệ thống về:

Sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam và Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng.

Đường lối của Đảng về cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân.

Đường lối của Đảng về tiến hành Cách mạng xã hội chủ nghĩa bao gồm: đường lối về công nghiệp hóa, về xây dựng nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, về xây dựng hệ thống chính trị, về xây dựng văn hóa và giải quyết các vấn đề xã hội, về đối ngoại; trong đó tập trung chủ yếu vào đường lối xây dựng đất nước thời kỳ đổi mới.

9.5. Tiếng Anh 1 (B1.1)

3 TC

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần Tiếng Anh 1 cung cấp cho sinh viên kiến thức về ngôn ngữ, văn hóa và giao tiếp xã hội của các nước nói tiếng Anh; trang bị cho sinh viên các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết tiếng Anh ở đầu trình độ bậc 3 (B1.1) trong đó bao gồm cả phần rèn luyện ngữ âm, ngữ pháp và phát triển vốn từ vựng tương ứng với chuẩn bậc 3 (Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dành cho Việt Nam).

9.6. Tiếng Anh 2 (B1.2)

3 TC

Điều kiện tiên quyết: Tiếng Anh 1 (B1.1)

Học phần Tiếng Anh 2 cung cấp cho sinh viên kiến thức về ngôn ngữ, văn hóa và giao tiếp xã hội của các nước nói tiếng Anh; trang bị cho sinh viên các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết tiếng Anh ở giữa trình độ bậc 3 (B1.2) trong đó bao gồm cả phần rèn luyện ngữ âm, ngữ pháp và phát triển vốn từ vựng tương ứng với chuẩn bậc 3 (Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dành cho Việt Nam).

9.7. Tiếng Anh 3 (B1.3)

3 TC

Điều kiện tiên quyết: Tiếng Anh 2 (B1.2)

Học phần Tiếng Anh 3 cung cấp cho sinh viên kiến thức về ngôn ngữ, văn hóa và giao tiếp xã hội của các nước nói tiếng Anh; trang bị cho sinh viên các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết tiếng Anh ở cuối trình độ bậc 3 (B1.3) trong đó bao gồm cả phần rèn luyện ngữ âm, ngữ pháp và phát triển vốn từ vựng tương ứng với chuẩn bậc 3 (Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dành cho Việt Nam). Cuối học phần này, sinh viên có thể tham dự các kỳ thi lấy chứng chỉ năng lực Tiếng Anh bậc 3.

9.8. Tiếng Anh 4 (Tiếng Anh chuyên ngành Mầm non)

3 TC

Điều kiện tiên quyết: Tiếng Anh 3 (B1.3)

Học phần cung cấp cho sinh viên sinh viên ngành Mầm non cách thức dạy cho trẻ nhận biết và nói những từ vựng đơn giản thông qua tranh ảnh, tổ chức các trò chơi có sử

dụng tiếng Anh, dạy các bài hát đơn giản hoặc kể chuyện bằng tiếng Anh cho trẻ. Học phần giúp sinh viên tạo được còn giúp sinh viên rèn luyện kỹ năng đọc hiểu và dịch về các chủ đề liên quan đến chuyên ngành mầm non nhằm đáp ứng việc nghiên cứu trong công tác chuyên môn.

9.9. Tiếng Việt

3 TC

Điều kiện tiên quyết: không

Học phần trang bị cho sinh viên các kiến thức đại cương về ngôn ngữ học và Tiếng Việt: ngữ âm tiếng Việt; từ vựng tiếng Việt; ngữ pháp – văn bản Tiếng Việt. Trang bị cho sinh viên công cụ hỗ trợ thực hiện nội dung phát triển ngôn ngữ cho trẻ ở trường mầm non.

9.10. Pháp luật đại cương

2 TC

Điều kiện tiên quyết: Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin 1

Học phần bao gồm những kiến thức cơ bản về nhà nước và pháp luật như nguồn gốc, bản chất, chức năng, các kiểu và hình thức của nhà nước và pháp luật. Các vấn đề về Nhà nước và pháp luật Việt Nam như: tổ chức và hoạt động của bộ máy Nhà nước CHXHCN Việt Nam; về kết cấu, cách xây dựng và áp dụng quy phạm pháp luật ở Việt Nam; về một số nội dung cơ bản của một số ngành luật trong hệ thống pháp luật Việt Nam.

Học phần này làm cơ sở lý luận cho sinh viên tiếp cận các học phần về Quản lý nhà trường; Soạn thảo văn bản; các học phần pháp luật chuyên ngành.

9.11. Kỹ năng tổ chức hoạt động trải nghiệm

2 TC

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần cung cấp kiến thức cơ bản về nội dung, phương pháp, hình thức tổ chức, đánh giá hoạt động trải nghiệm. Từ đó góp phần rèn luyện một số kỹ năng cơ bản trong tổ chức các hoạt động trải nghiệm ở trường phổ thông.

Cụ thể có các kỹ năng như sau:

- + Kỹ năng phát triển bản thân.
- + Kỹ năng công cụ:
 - Kỹ năng ngôn ngữ
 - Kỹ năng tính toán và sử dụng công nghệ thông tin.
- + Kỹ năng hoạt động trải nghiệm:
 - Kỹ năng tổ chức hoạt động
 - Kỹ năng tự nhận thức và tích cực hóa bản thân
 - Kỹ năng quản lý cuộc sống
 - Kỹ năng định hướng nghề nghiệp
- + Kỹ năng chung sống:
 - Kỹ năng giao tiếp
 - Kỹ năng hợp tác.

9.12. Phương pháp nghiên cứu khoa học giáo dục

2 TC

Điều kiện tiên quyết: Không

Nội dung môn học bao gồm: Những kiến thức cơ bản về khoa học và nghiên cứu khoa học, về bản chất của nghiên cứu khoa học cũng như cấu trúc logic của một công trình khoa học; các thao tác nghiên cứu khoa học, xây dựng, chứng minh và trình bày các luận điểm khoa học; phương pháp trình bày một báo cáo khoa học; viết được một công trình khoa học và bước đầu biết vận dụng kỹ năng nghiên cứu khoa học vào việc học tập ở đại học.

9.13. Cơ sở văn hoá Việt Nam

2 TC

Điều kiện tiên quyết: không

Học phần này cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về văn hoá học và văn hoá Việt Nam, về tiến trình văn hoá Việt Nam, các thành tố văn hoá Việt Nam, như văn hoá nhận thức, văn hoá tổ chức đời sống, văn hoá ứng xử với môi trường tự nhiên và xã hội....

Học phần cũng trang bị những kỹ năng, phương pháp tiếp cận tìm hiểu và nghiên cứu những vấn đề của văn hoá Việt Nam.

9.14. Mỹ học đại cương

2 TC

Điều kiện tiên quyết: không

Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản, hiện đại, có hệ thống và tương đối toàn diện về mỹ học, từ đó giúp cho sinh viên có ý thức và khả năng cảm thụ, đánh giá, sáng tạo cái đẹp cho cuộc sống, cho bản thân và cho nghệ thuật; góp phần xây dựng đời sống thẩm mỹ của sinh viên ngày càng phong phú và lành mạnh.

9.15. Đạo đức học

2 TC

Điều kiện tiên quyết: không

Học phần cung cấp cho sinh viên hệ thống những tri thức cơ bản của đạo đức học như: nguồn gốc, tính chất, vai trò, nhiệm vụ của đạo đức, về phạm trù đạo đức, những nguyên tắc và những chuẩn mực đạo đức cần phải rèn luyện và giáo dục.

9.16. Thống kê giáo dục

2 TC

Điều kiện tiên quyết: không

Học phần cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản về lý thuyết xác suất làm nền tảng trong thống kê; ứng dụng thống kê hiện đại dùng để miêu tả các dữ kiện định tính, định lượng, giải thích, suy diễn các kết quả thu được qua các hoạt động giảng dạy, quản lý hay trong một cuộc nghiên cứu thuộc tâm lý – giáo dục; những định hướng xử lý, phân tích số liệu thống kê bằng phần mềm máy tính.

9.17. Cơ sở lý thuyết tập hợp và logic toán

2 TC

Điều kiện tiên quyết: không

Nội dung môn học bao gồm: Các kiến thức về tập hợp, logic, số tự nhiên, các hình hình học và thống kê toán. Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về toán học để hình thành biểu tượng Toán cho trẻ.

9.18. Môi trường và con người

2 TC

Điều kiện tiên quyết: không

Học phần bao gồm các kiến thức khái quát về môi trường, các chức năng chủ yếu của môi trường, vấn đề về ô nhiễm môi trường (hiệu ứng nhà kính, suy giảm tầng ôzôn...), vấn đề về tài nguyên thiên nhiên, vấn đề dân số, lương thực – thực phẩm, vấn đề năng lượng và sự phát triển bền vững, mối quan hệ giữa con người và môi trường. Vấn đề giáo dục môi trường trong trường mầm non: phương pháp tiếp cận và các nội dung, hình thức tổ chức giáo dục môi trường cho trẻ mầm non.

9.19. Tin học đại cương

3 TC

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần bao gồm các phần:

- Những hiểu biết về công nghệ thông tin (CNTT) cơ bản: máy tính và mạng máy tính, các ứng dụng của CNTT và truyền thông, các vấn đề an toàn thông tin cơ bản khi làm việc với máy tính.

- Cách sử dụng máy tính cơ bản: các hiểu biết cơ bản để bắt đầu làm việc với máy tính, làm việc với Hệ điều hành, quản lý thư mục và tệp, một số phần mềm tiện ích, sử dụng tiếng Việt, sử dụng máy in.

- Sử dụng Internet cơ bản: giới thiệu mạng máy tính, mạng Internet, một số công cụ tìm kiếm, trình duyệt web, thư điện tử.

- Soạn thảo văn bản bằng phần mềm Microsoft Word; trình bày báo cáo, giáo án trình chiếu trên máy chiếu bằng phần mềm Microsoft Powerpoint; nhập liệu và thao tác với bảng tính điện tử, sử dụng các phép toán và các hàm để xử lý số liệu và vẽ đồ thị bằng phần mềm Microsoft Excel.

9.20. Giáo dục thể chất 1

1 TC

Điều kiện tiên quyết: Không

- Học phần cung cấp cho sinh viên hệ thống các động tác của bài thể dục phát triển chung, các tư thế đúng của cơ thể cũng như biết sử dụng đúng mức sức lực của mình trước những yêu cầu kỹ thuật, nhằm giúp cho sinh viên rèn luyện sức khỏe tốt, phát triển kỹ thuật và tố chất vận động.

- Trang bị cho sinh viên những hiểu biết cơ bản về ý nghĩa, lợi ích, tác dụng, nguyên lý kỹ thuật chạy cự ly ngắn và một số điều luật thi đấu.

9.21. Giáo dục thể chất 2

1 TC

Điều kiện tiên quyết: Giáo dục thể chất 1

Học phần cung cấp cho sinh viên những hiểu biết cơ bản về ý nghĩa, tác dụng và nguyên lý kỹ thuật của môn đẩy tạ kiểu lưng hướng ném, môn nhảy xa kiểu uốn thân, nhảy cao kiểu úp bụng và một số điều luật thi đấu của các môn học.

9.22. Giáo dục thể chất 3

1 TC

Điều kiện tiên quyết: Giáo dục thể chất 2

Học phần cung cấp cho sinh viên những hiểu biết về lợi ích, tác dụng, nguyên lý và kỹ thuật cơ bản của môn bóng chuyền, luật thi đấu bóng chuyền. Hoặc trang bị cho sinh viên những kiến thức về lịch sử sự ra đời và phát triển môn cầu lông; kiến thức kỹ thuật cơ bản của môn cầu lông và luật cầu lông về thi đấu đơn.

9.23. Giáo dục quốc phòng – an ninh

8 TC

Nội dung ban hành kèm theo Thông tư số: 31/2012/TT-BGDĐT ngày 12 tháng 9 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành chương trình giáo dục quốc phòng – an ninh.

9.24. Văn học trẻ em

2 TC

Điều kiện tiên quyết: không

Học phần trang bị cho sinh viên về những nội dung cơ bản của văn học trẻ em trong và ngoài nước. Cụ thể:

- Văn học dân gian cho trẻ em: ý nghĩa của văn học dân gian trong đời sống tinh thần của trẻ thơ; giới thiệu các thể loại truyện kể dân gian và thơ ca dân gian; phân tích những tác phẩm tiêu biểu phù hợp với trẻ mầm non.

- Văn học trẻ em Việt nam: giới thiệu các giai đoạn phát triển của văn học trẻ em Việt Nam; những tác giả tiêu biểu sáng tác cho trẻ mầm non và các tác phẩm phù hợp với các em.

- Văn học trẻ em nước ngoài: giới thiệu tình hình sáng tác cho các em ở nhiều nước trên thế giới ; một số tác giả tiêu biểu viết cho trẻ em.

9.25. Sự phát triển thể chất trẻ em lứa tuổi mầm non

2 TC

Điều kiện tiên quyết: không

Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản về cấu tạo và chức năng hoạt động của các cơ quan và hệ cơ quan trong cơ thể trẻ. Trên cơ sở đó có những biện pháp chăm sóc và giáo dục trẻ một cách phù hợp.

9.26. Âm nhạc

2 TC

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần này nhằm giúp cho sinh viên hiểu biết về nhạc lý cơ bản : độ dài, độ cao của nốt nhạc một số ký hiệu thường gặp trong âm nhạc, phách nhịp, dấu hóa, hóa biểu, cung quãng, điệu thức gam giọng, dịch giọng, hợp âm, các ký hiệu.

Kỹ thuật ca hát cơ bản: Giới thiệu bộ máy phát âm, hơi thở, tư thế ca hát, các xoang cộng minh và tổ chức âm thanh, Các kỹ năng hát, một số kỹ thuật hát, luyện tập các kỹ thuật hát và thể hiện bài hát.

9.27. Mỹ thuật

2 TC

Điều kiện tiên quyết: không

Cung cấp cho người học những vấn đề cơ bản về mỹ thuật bao gồm: những kiến thức và kỹ năng về cơ sở tạo hình, vẽ hình họa, vẽ trang trí, vẽ tranh, vẽ mỹ thuật, tạo hình xé – cắt dán, nặn cơ bản.

9.28. Phòng bệnh và đảm bảo an toàn cho trẻ

2 TC

Điều kiện tiên quyết: không

Học phần này cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về một số bệnh và các cách cấp cứu tai nạn thường gặp ở trẻ em. Trên cơ sở đó có những biện pháp chăm sóc và giáo dục trẻ một cách phù hợp.

9.29. Vệ sinh - chăm sóc trẻ em

3 TC

Điều kiện tiên quyết: Phòng bệnh và đảm bảo an toàn cho trẻ

Học phần bao gồm những kiến thức cơ bản về vi sinh vật và ký sinh trùng gây bệnh thường gặp, các kiến thức về vệ sinh trẻ em, vệ sinh trường mầm non; tầm quan trọng của những năm đầu đời đối với sự phát triển của trẻ, các kiến thức và kỹ năng về chăm sóc trẻ thời kì trong bụng mẹ, chăm sóc trẻ từ 0- 6 tuổi (chú trọng vào việc vệ sinh chăm sóc trẻ về thân thể, mắt, tai, mũi, họng, trang phục và nuôi dưỡng trẻ trong mỗi giai đoạn phát triển).

9.30. Dinh dưỡng trẻ em

2 TC

Điều kiện tiên quyết: Phòng bệnh và đảm bảo an toàn cho trẻ

Học phần bao gồm những kiến thức cơ bản về vai trò, nhu cầu các chất dinh dưỡng và đặc điểm các nhóm thực phẩm; các kiến thức về xây dựng thực đơn, tính toán khẩu phần ăn cho trẻ; kiến thức về vệ sinh an toàn thực phẩm cũng như những phương pháp giáo dục dinh dưỡng trẻ em ở trường mầm non; các bài tập thực hành về chế biến các món ăn cho trẻ mầm non.

9.31. Giáo dục hòa nhập

2 TC

Điều kiện tiên quyết: Giáo dục học mầm non

Những vấn đề chung về giáo dục hòa nhập (GDHN): Khái niệm, mục tiêu và nhiệm vụ của GDHN; GDHN trên thế giới và ở Việt Nam.

Các hình thức tổ chức GDHN; các nguyên tắc GDHN; chiến lược thúc đẩy và hỗ trợ GDHN; giáo dục cho các nhóm trẻ có nhu cầu đặc biệt.

9.32. Ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học mầm non

2 TC

Điều kiện tiên quyết: Tin học đại cương

Một số kiến thức cơ bản về sử dụng các phương tiện kỹ thuật trong dạy học ở mầm non; giới thiệu một số ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học ở mầm non (chủ yếu đề cập đến việc thiết kế và trình bày bài giảng bằng Power Point, sử dụng phần mềm giáo dục để dạy học và khai thác Internet).

9.33. Tiếng Việt thực hành

2 TC

Điều kiện tiên quyết: không

Nội dung học phần: rèn kỹ năng sử dụng tiếng Việt cho sinh viên chuyên ngành Giáo dục Mầm non: tạo lập văn bản thuộc những phong cách khác nhau; tạo lập đoạn văn theo những kết cấu nhất định; nâng cao kỹ năng viết đúng câu về các mặt cấu tạo ngữ pháp, quan hệ ý nghĩa trong câu), sự liên kết mạch lạc giữa các câu trong văn bản; kỹ năng dùng từ (đúng âm thanh, cấu tạo, ý nghĩa, dùng từ chính xác trong giao tiếp); kỹ năng viết đúng chính tả, phân tích và chữa lỗi chính tả thường gặp.

9.34. Đánh giá trong Giáo dục mầm non

2 TC

Điều kiện tiên quyết: Không

Nội dung học phần: Một số vấn đề chung về đánh giá trong GDMN: khái niệm, ý nghĩa, nguyên tắc, nội dung, hình thức, phương pháp và các kỹ thuật đánh giá (đánh giá các hoạt động trong nghề nghiệp của GVMN và sự phát triển của trẻ dưới tác động của chương trình GDMN)

9.35. Giáo dục gia đình

2 TC

Điều kiện tiên quyết: Giáo dục học mầm non.

Cung cấp các kiến thức cơ bản về lý luận giáo dục gia đình: chức năng, các mối quan hệ chủ yếu trong gia đình; các yếu tố ảnh hưởng đến hiệu quả giáo dục gia đình. Nhiệm vụ, nội dung, phương pháp giáo dục gia đình. Mối quan hệ giữa gia đình với nhà trường và xã hội trong công tác giáo dục trẻ em. Ảnh hưởng của sự phát triển kinh tế xã hội đối với giáo dục mầm non trong chăm sóc và giáo dục trẻ.

9.36. Đàn phím điện tử

2 TC

Điều kiện tiên quyết: không

Nội dung học phần: Giúp sinh viên bước đầu làm quen và sử dụng được đàn phím điện tử làm phương tiện giảng dạy và giáo dục âm nhạc cho trẻ. Nắm được một số kỹ thuật luyện ngón cơ bản ở tay phải và tay trái. Ứng dụng đàn một số bài hát phục vụ dạy học Mầm non.

9.37. Tổ chức thực hiện chương trình giáo dục mầm non

2 TC

Điều kiện tiên quyết: không

Học phần cung cấp cho sinh viên tri thức về các nguyên tắc xây dựng chương trình chăm sóc và giáo dục trẻ mầm non theo hướng tiếp cận tích hợp; hình thành ở người học những kỹ năng xây dựng, thiết kế kế hoạch giáo dục; xây dựng môi trường giáo dục và tổ chức thực hiện các hoạt động giáo dục theo chương trình chăm sóc, giáo dục mầm non.

9.38. Tổ chức hoạt động vui chơi

3 TC

Điều kiện tiên quyết: không

Học phần này cung cấp kiến thức cơ bản về trò chơi trẻ em; bao gồm:

- Khái niệm hoạt động vui chơi; các loại trò chơi; ý nghĩa của hoạt động vui chơi. Sự hình thành và phát triển các loại trò chơi trong độ tuổi mầm non: trò chơi giả bộ (trò chơi phản ánh sinh hoạt và trò chơi đóng vai), trò chơi xây dựng, trò chơi có luật. Đánh giá mức độ phát triển hoạt động vui chơi của trẻ.

- Vị trí hoạt động vui chơi trong chương trình GDMN. Vai trò của người lớn đối với sự phát triển hoạt động chơi của trẻ. Phương pháp hướng dẫn trẻ chơi. Ý nghĩa, nội dung, phương pháp và hình thức tổ chức các thời điểm vui chơi trong ngày của trẻ. Lập kế hoạch tổ chức hoạt động vui chơi của trẻ ở trường mầm non

9.39. Phương pháp tổ chức hoạt động âm nhạc

2 TC

Điều kiện tiên quyết: Âm nhạc

Lý luận và thực hành của chương trình bộ môn hướng tới việc cung cấp và rèn luyện kỹ năng lập kế hoạch, tổ chức môi trường giáo dục, tổ chức hoạt động và đánh giá khả năng hoạt động của trẻ em bằng hệ thống các phương pháp, hình thức phù hợp với xu hướng phát huy tính tích cực của trẻ, đảm bảo nguyên tắc tiếp cận tích hợp.

9.40. Phương pháp tổ chức hoạt động tạo hình cho trẻ em

3 TC

Điều kiện tiên quyết: Mỹ thuật

Học phần này cung cấp cho sinh viên những nội dung sau:

- Những vấn đề tâm lý cơ bản về sự hình thành và phát triển hoạt động tạo hình của trẻ em; mục đích, nhiệm vụ, nội dung phương pháp và hình thức tổ chức hoạt động tạo hình cho trẻ mầm non theo các độ tuổi.

- Lý luận và thực hành của chương trình bộ môn hướng tới việc cung cấp và rèn luyện kỹ năng lập kế hoạch, tổ chức môi trường giáo dục, tổ chức hoạt động và đánh giá khả năng hoạt động của trẻ em bằng hệ thống các phương pháp, hình thức phù hợp với xu hướng phát huy tính tích cực của trẻ, đảm bảo nguyên tắc tiếp cận tích hợp.

- Các yêu cầu cơ bản về việc lựa chọn tác phẩm và cách thức tổ chức cho trẻ làm quen với tác phẩm nghệ thuật tạo hình; Sử dụng tác phẩm nghệ thuật tạo hình khi tổ chức các hoạt động giáo dục mang tính tích hợp.

9.41. Phương pháp giáo dục thể chất cho trẻ mầm non**2 TC**

Điều kiện tiên quyết: Giáo dục thể chất 3

Học phần này trang bị cho sinh viên 2 nội dung:

- Những vấn đề lý luận giáo dục thể chất, bao gồm: Đối tượng, nhiệm vụ và phương pháp nghiên cứu của lý luận giáo dục thể chất; mối quan hệ giữa lý luận giáo dục thể chất với các khoa học khác; sơ lược lịch sử giáo dục thể chất trên thế giới và ở Việt Nam; cơ sở khoa học của lý luận giáo dục thể chất.

- Quá trình giáo dục thể chất cho trẻ em, bao gồm: Mục đích, nội dung, phương pháp, hình thức, phương tiện và đánh giá hoạt động giáo dục thể chất của trẻ ở trường mầm non. Quá trình này luôn được cập nhật với xu thế đổi mới của ngành học như: “tiếp cận tích hợp”, “dạy học hướng vào người học”.

9.42. Tổ chức hoạt động hình thành biểu tượng toán học cho trẻ em**3 TC**

Điều kiện tiên quyết: Cơ sở lý thuyết tập hợp và logic toán

Học phần cung cấp cho sinh viên:

Những vấn đề chung của quá trình hình thành biểu tượng toán sơ đẳng cho trẻ mầm non; đặc điểm hình thành biểu tượng toán ban đầu cho trẻ mầm non; phương pháp, hình thức, phương tiện hình thành biểu tượng toán sơ đẳng cho trẻ mầm non.

9.43. Tổ chức hoạt động cho trẻ làm quen tác phẩm văn học**3 TC**

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần trang bị cho sinh viên kiến thức cơ bản về đặc điểm cảm thụ và sáng tạo tác phẩm văn học của trẻ mầm non; vai trò và yêu cầu của các phương pháp dạy học, hình thức tổ chức hoạt động cho trẻ làm quen tác phẩm văn học ở trường mầm non; chuyển thể tác phẩm văn học sang kịch bản sân khấu và tổ chức hoạt động đóng kịch cho trẻ mẫu giáo.

9.44. Phương pháp phát triển ngôn ngữ cho trẻ mầm non**3 TC**

Điều kiện tiên quyết: Tiếng Việt

Học phần nhằm trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về phương pháp phát triển lời nói trẻ em với tư cách là một lĩnh vực khoa học (có đối tượng và phương pháp nghiên cứu); cung cấp các kiến thức về nhiệm vụ, nội dung, hình thức và phương pháp giáo dục chuẩn mực ngữ âm, hình thành và phát triển vốn từ, dạy trẻ các mẫu câu tiếng Việt, phát triển lời nói mạch lạc và lời nói nghệ thuật qua thơ, truyện dành cho trẻ nhỏ, chuẩn bị cho trẻ học tiếng Việt ở lớp 1 và giáo dục trẻ văn hoá giao tiếp ngôn ngữ.

9.45. Phương pháp hướng dẫn trẻ khám phá môi trường xung quanh**3 TC**

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần trang bị cho sinh viên các kiến thức về: Đối tượng, nhiệm vụ và phương pháp nghiên cứu của môn học; những vấn đề lý luận chung của môn học (vai trò của tri thức đối với sự phát triển trẻ em, bản chất và đặc điểm quá trình lĩnh hội tri thức ở trẻ em). Từ đó, xác định mục đích, nhiệm vụ, nội dung, phương pháp tổ chức và các phương tiện cho trẻ làm quen môi trường xung quanh.

9.46. Làm đồ chơi cho trẻ mầm non**2 TC**

Điều kiện tiên quyết: Mỹ thuật

Nội dung môn học bao gồm:

Những vấn đề chung về đồ chơi: cơ sở lý luận về đồ chơi, quy trình và kỹ thuật làm đồ chơi bằng các nguyên vật liệu khác nhau. Hướng dẫn thực hành làm đồ chơi: đồ chơi xây dựng, đồ chơi học tập, đồ chơi có chủ đề, đồ chơi sân khấu và âm nhạc, đồ chơi trang trí và hài hước; một số mẫu đồ chơi khác bằng vật dụng thiên nhiên, phế liệu.

9.47. Múa và biên soạn động tác múa**2 TC**

Điều kiện tiên quyết: Không

Nội dung học phần bao gồm: Một số kỹ thuật cơ bản về nghệ thuật múa, nhập môn các động tác tay không, giới thiệu một số chất liệu múa cơ bản: Các động tác múa mờ, Dân tộc H, Mông, Dân tộc thái, Dân tộc Tây Nguyên, Dân tộc Tày; một số kỹ năng múa, các động tác

trong chất liệu múa dân gian Việt Nam; các tổ hợp múa dân gian Việt Nam; một số vũ điệu quốc tế.

Biên soạn và biên đạo các tiết mục múa độc lập, múa minh họa cho ca khúc ở trường Mầm non.

9.48. Tham quan thực tế

1 TC

Tổ chức cho sinh viên tham quan thực tế ngoại tỉnh với các nội dung: tìm hiểu một số di tích lịch sử, các công trình kiến trúc, điêu khắc, những danh lam, thắng cảnh, những nét văn hóa ở một số vùng miền... nhằm giúp sinh viên có được những hiểu biết thực tiễn để bổ sung, hỗ trợ và làm giàu vốn kiến thức, vốn sống ... phục vụ cho việc dạy học các phân môn Tự nhiên – Xã hội, Mỹ thuật, Âm nhạc, Tiếng Việt và Phương pháp cho trẻ làm quen tác phẩm văn học ở trường Mầm non. Đồng thời rèn luyện một số kỹ năng cần thiết cho sinh viên: kỹ năng hòa nhập cộng đồng, kỹ năng hoạt động nhóm, kỹ năng thu tập và lưu trữ thông tin, kỹ năng viết báo cáo thu hoạch.

9.49. Văn học dân gian

2 TC

Điều kiện tiên quyết: Không

Nội dung học phần gồm:

Cung cấp kiến thức về những đặc điểm cơ bản và hệ thống thể loại của văn học dân gian Việt Nam.

Bước đầu trang bị cho sinh viên vốn kiến thức cần thiết để sinh viên có điều kiện thuận lợi khi tiếp cận với các học phần văn học khác.

9.50. Nghệ thuật tạo hình

2 TC

Điều kiện tiên quyết: Mỹ thuật

Nội dung môn học bao gồm: Những kiến thức cơ bản về nghệ thuật tạo hình; từ khái niệm đến kiến thức cụ thể của từng phân môn như: Khái niệm về nghệ thuật tạo hình, luật xa gần; giải phẫu tạo hình; Hội họa, Đồ họa-Trang trí, Điêu khắc. Trang bị những cơ sở cho sinh viên học tốt phần làm đồ chơi cho trẻ và hướng dẫn hoạt động tạo hình.

9.51. Thể dục nghệ thuật

2 TC

Điều kiện tiên quyết: Phương pháp giáo dục thể chất cho trẻ mầm non

Hình thành cho sinh viên các kỹ năng thể dục nhịp điệu gồm 12 động tác, bài thể dục với vòng gồm 32 động tác và bài thể dục với lụa gồm 10 động tác.

9.52. Tâm lý học đại cương

2 TC

Điều kiện tiên quyết: Những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác-Lênin 1

Cung cấp các kiến thức cơ bản về tâm lý học đại cương; hiện tượng tâm lý người; nguồn gốc và bản chất các hiện tượng tâm lý; các yếu tố tác động đến sự hình thành và biểu hiện của hiện tượng tâm lý người, tạo cơ sở cho việc tiếp thu các học phần khác về tâm lý học lứa tuổi và tâm lý học sư phạm, các học phần giáo dục học (Giáo dục học đại cương, Hoạt động dạy học và hoạt động giáo dục: Rèn luyện nghiệp vụ thường xuyên, Thực tập sư phạm); bước đầu hình thành kỹ năng nghiên cứu tâm lý người.

9.53. Tâm lý học trẻ em

2 TC

Điều kiện tiên quyết: Những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác-Lênin 1

Học phần trang bị cho sinh viên những vấn đề lý luận chung về tâm lý học trẻ em và những đặc điểm phát triển tâm lý trẻ em từ lọt lòng đến 3 tuổi. Đặc điểm phát triển tâm lý của trẻ em lứa tuổi mẫu giáo (3- 6 tuổi), những kiến thức về tâm lý học sư phạm và nhân cách người giáo viên mầm non.

9.54. Giáo dục học đại cương

2 TC

Điều kiện tiên quyết: Những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác-Lênin 1

Những vấn đề cơ bản về khoa học giáo dục: Đối tượng, nhiệm vụ, phương pháp nghiên cứu khoa học giáo dục, các phạm trù cơ bản của khoa học giáo dục và xu hướng phát triển của giáo dục Việt Nam và trên thế giới. Vai trò của giáo dục và các yếu tố khác đối với

sự hình thành và phát triển nhân cách. Sơ lược Lịch sử giáo dục thế giới. Mục đích, nhiệm vụ giáo dục và những con đường giáo dục cơ bản trong nhà trường: dạy học, tổ chức các hoạt động lao động, xã hội tập thể, vui chơi... Một số quan điểm về giáo dục mầm non.

9.55. Giáo dục học mầm non

3 TC

Điều kiện tiên quyết: Giáo dục học đại cương

Học phần trang bị cho sinh viên kiến thức:

- Những vấn đề chung của giáo dục học mầm non.
- Các nhiệm vụ giáo dục trẻ em lứa tuổi mầm non (giáo dục sức khỏe, giáo dục trí tuệ, giáo dục tình cảm - đạo đức xã hội cho trẻ) và vai trò của giáo viên mầm non trong công tác chăm sóc giáo dục trẻ mầm non.

Học phần này còn trang bị cho sinh viên lý luận và kỹ năng về:

- Tổ chức các hoạt động (hoạt động với đồ vật, hoạt động vui chơi, học tập, lao động...) và chế độ sinh hoạt hàng ngày của trẻ ở trường Mầm non theo hướng tích hợp.
- Tổ chức ngày hội, lễ ở trường Mầm non
- Chuẩn bị cho trẻ vào lớp một.
- Đánh giá các hoạt động giáo dục cho trẻ ở trường Mầm non.

9.56. Rèn luyện nghiệp vụ sư phạm thường xuyên (1)

1 TC

Điều kiện tiên quyết: Tâm lý học đại cương

Học tập, rèn luyện những kỹ năng chung; rèn phong cách văn hóa sư phạm trong giao tiếp, tìm hiểu vị trí, mục tiêu đào tạo, cơ cấu tổ chức của trường mầm non.

Học tập, rèn luyện những kỹ năng riêng thuộc chuyên ngành đào tạo: kỹ năng viết, kỹ năng nói...

9.57. Rèn luyện nghiệp vụ sư phạm thường xuyên (2)

1 TC

Điều kiện tiên quyết: Rèn luyện nghiệp vụ sư phạm thường xuyên (1)

Học tập, rèn luyện những kỹ năng chung: tìm hiểu tâm lý trẻ mầm non; Nghiên cứu giáo trình hướng dẫn về việc thực hiện công tác thực tập sư phạm.

Học tập, rèn luyện những kỹ năng riêng thuộc chuyên ngành đào tạo: Thiết kế các loại kế hoạch năm, tháng, tuần, kế hoạch dạy học, giáo dục.

9.58. Rèn luyện nghiệp vụ sư phạm thường xuyên (3)

1 TC

Điều kiện tiên quyết: Rèn luyện nghiệp vụ sư phạm thường xuyên (2)

Thực hành chăm sóc và giáo dục trẻ:

- Rèn kỹ năng chăm sóc và giáo dục trẻ (đón trẻ, trả trẻ, chăm sóc, vệ sinh cho trẻ, dinh dưỡng cho trẻ), dự giờ quan sát thực tế dạy học tại trường Mầm non.

- Tập giảng, rút kinh nghiệm.

9.59. Rèn luyện nghiệp vụ sư phạm thường xuyên (4)

1 TC

Điều kiện tiên quyết: Rèn luyện nghiệp vụ sư phạm thường xuyên (3)

Thực hành chăm sóc và giáo dục trẻ khỏi mẫu giáo:

- Thực hành kỹ năng: chăm sóc trẻ, hoạt động góc, hoạt động ngoài trời, hoạt động chung.

- Dự giờ quan sát hoạt động dạy học tại trường mầm non. Tổng kết, rút kinh nghiệm.

9.60. Quản lý nhà trường

2 TC

Điều kiện tiên quyết: Giáo dục học mầm non, Tâm lý học trẻ em.

Học phần cung cấp cho sinh viên ngành GDMN hệ thống tri thức về quản lý nhà trường mầm non: Tổng quan về quản lý và lãnh đạo nhà trường mầm non; Mô hình lý thuyết về quản lý dựa vào nhà trường mầm non; Phát triển chương trình nhà trường mầm non theo tiếp cận năng lực; Phát triển năng lực tự chủ chuyên môn trong quản lý đội ngũ giáo viên mầm non; Tiếp cận lãnh đạo dạy học trong quản lý nhà trường mầm non của hiệu trưởng; Đổi mới đánh giá trong lớp học theo quan điểm vì sự tiến bộ của trẻ; Quản lý chất lượng giáo dục mầm non; Quản lý nguồn nhân lực trong nhà trường mầm non; Quản lý tài chính trường mầm non theo định hướng tăng quyền tự chủ và trách nhiệm xã hội; Văn hoá

nhà trường mầm non trong thế kỷ XXI và vai trò của người hiệu trưởng nhà trường mầm non; Tinh hướng và cách xử lý một số tình huống quản lý nhà trường mầm non.

9.61. Thực tập sư phạm tốt nghiệp

7 TC

Củng cố và nâng cao các kiến thức về chuyên môn nghiệp vụ trong lĩnh vực tâm lý học, giáo dục học, phương pháp dạy học bộ môn; vận dụng những kiến thức đó vào việc giải quyết các tình huống cụ thể trong hoạt động dạy học và giáo dục trẻ, tiếp tục rèn luyện các kỹ năng dạy học và giáo dục, kỹ năng nghiên cứu khoa học giáo dục.

9.62. Giao tiếp với trẻ em

2 TC

Điều kiện tiên quyết: Giáo dục học mầm non.

Học phần này cung cấp cho người học những vấn đề chung về giao tiếp: khái niệm, các loại giao tiếp, các thành tố và nguyên tắc giao tiếp. Giao tiếp và quá trình xã hội hóa của trẻ từ 0 đến 6 tuổi. Phát triển giao tiếp cho trẻ dưới 3 tuổi, từ 3 đến 6 tuổi.

9.63. Phương pháp đọc, kể diễn cảm tác phẩm văn học

3 TC

Điều kiện tiên quyết: Văn học trẻ em

Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về đặc điểm tác phẩm văn học theo loại thể, nghệ thuật đọc, kể diễn cảm tác phẩm văn học theo loại thể; cách tổ chức hoạt động cho trẻ làm quen tác phẩm văn học theo loại thể; rèn kỹ năng đọc, kể diễn cảm tác phẩm văn học trong chương trình giáo dục mầm non.

9.64. Nghề giáo viên Mầm non

2 TC

Điều kiện tiên quyết: Giáo dục học mầm non

Cung cấp các kiến thức cơ bản về: Nghề, nghề giáo viên và nghề giáo viên Mầm non; nhiệm vụ của giáo viên Mầm non; Đặc điểm hoạt động sư phạm của giáo viên Mầm non; Các kỹ năng nghề nghiệp và giao tiếp của giáo viên Mầm non; Con đường hình thành nghề giáo viên Mầm non.

10. Danh sách đội ngũ giảng viên thực hiện chương trình

10.1. Đội ngũ giảng viên cơ hữu

TT	Họ và tên, năm sinh, chức vụ hiện tại	Chức danh khoa học, năm phong	Học vị, nước, năm tốt nghiệp	Ngành, chuyên ngành	Học phần/môn học dự kiến đảm nhiệm
1	Trần Lăng, 1968, Phó Hiệu trưởng	GVC, 2006	TS, Việt Nam, 2014	Triết học	Những nguyên lý cơ bản của CN Mác -Lênin 1
2	Ngô Thị Kim Phượng, 1968, Phó Trưởng phòng Đào tạo	GVC, 2006	Ths, Việt Nam, 2003	Triết học	Những nguyên lý cơ bản của CN Mác- Lênin 2
3	Trần Văn Tàu, 1975, Trưởng BM Tư tưởng Hồ Chí Minh	GVC, 2011	Ths, Việt Nam, 2005	Lịch sử Việt Nam	Tư Tưởng Hồ Chí Minh
4	Võ Thị Minh Duyên, 1972, Trưởng khoa Lý luận chính trị	GVC, 2011	Ths, Việt Nam, 2005	Lịch sử Việt Nam	- Đường lối cách mạng của Đảng CS Việt Nam - Đạo đức học
5	Hồng Ái Nga, 1970, TBM Tiếng Anh không chuyên ngữ	GVC, 2011	Ths, Việt Nam, 2006	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh 1
6	Nguyễn Thị Xuân Duyên, 1971, Giảng viên	GVC, 2011	Ths, Việt Nam, 2007	Anh văn	Tiếng Anh 2
7	Võ Thị Kim Thoa, 1968, Giảng viên	GV	Ths, Việt Nam, 2008	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh 3
8	Hoàng Vân Hà, 1966, Giảng viên	GV	Cử nhân, Việt Nam, 2008	Anh văn	Tiếng Anh 4
9	Nguyễn Thị Liên, 1974, Phó trưởng khoa GDTH - MN	GVC, 2011	Ths, Việt Nam, 2004	Ngôn ngữ	- Tiếng Việt - PP đọc, kể diễn cảm tác phẩm văn học
10	Nguyễn Thị Phượng, 1975, Phó trưởng khoa Lý luận chính trị	GV	Ths, Việt Nam, 2005	Luật hành chính	Pháp luật đại cương
11	Phan Thị Ánh Tuyết, 1968, Phó trưởng khoa Khoa Tâm lý Giáo dục	GV	Ths, Việt Nam, 2005	Văn học	Kỹ năng tổ chức hoạt động trải nghiệm
12	Lê Bạt Sơn, 1969, Giám đốc Trung tâm hỗ trợ sinh viên	GVC, 2011	Ths, Việt Nam, 2006	Quản lý giáo dục	- Phương pháp nghiên cứu khoa học giáo dục - Quản lý nhà trường
13	Nguyễn Đình, 1961, Phó Hiệu trưởng	GV	TS, Việt Nam 2008	Văn học	Cơ sở văn hoá Việt Nam

14	Nguyễn Sỹ Tuấn, 1972, Giảng viên	GV	Ths, Việt Nam, 2008	Lý luận Văn học	Mỹ học đại cương
15	Trần Lăng, 1968, Phó Hiệu trưởng	TS, 2014 GVC 2006	TS, Việt Nam 2014	Triết học	- Logic học đại cương
16	Nguyễn Tấn Khôi, 1961, Trưởng khoa GDTH&MN	GVC, 2006	Ths, Việt Nam, 1998	Toán giải tích	- Cơ sở lý thuyết tập hợp và logic toán - Tổ chức hoạt động hình thành biểu tượng toán cho trẻ
17	Nguyễn Thị Ngạn, 1980, Trưởng BM PPGDTN- KT – XH	GV	Ths, Việt Nam, 2006	Địa lý tự nhiên	Môi trường và con người
18	Trần Minh Cảnh, 1968, Trưởng khoa KT-CN	GV, 1993	Ths, Việt Nam, 2001	Khoa học máy tính	Tin học đại cương
19	Nguyễn Tiến Đạt, 1957, Phó Trưởng khoa PT GDTC-QP	GV	Cử nhân, Việt Nam, 1989	GDTC	- Giáo dục thể chất 1 - Phương pháp GDTC cho trẻ mầm non
20	Trần Đắc Ân, 1966, Phó Trưởng khoa GDTC-GDQP	GV	Cử nhân, Việt Nam, 2002	GD Thể chất	- Giáo dục thể chất 2 - Thể dục nghệ thuật
21	Nguyễn Ngọc Sách, 1968, Giảng viên	GV	Cử nhân, Việt Nam, 1992	GD Thể chất	Giáo dục thể chất 3
22	Trường quân sự tỉnh Phú Yên				Giáo dục Quốc phòng-an ninh
23	Nguyễn Thị Thu Trang, 1964, Phó Hiệu trưởng	GVC, 2004	TS, Việt Nam 2009	Văn học	Văn học trẻ em
24	Nguyễn Thị Kiều Thu, 1965, Giảng viên	GVC, 2006	Ths, Việt Nam, 1999	Sinh học, Tài nguyên môi trường	Sự phát triển thể chất trẻ em lứa tuổi mầm non
25	Trần Thị Hồng Vân, 1972, Phó Trưởng khoa Nghệ thuật	GV	Ths, Việt Nam, 2014	LLPPDH Âm nhạc	- Âm nhạc - PP tổ chức hoạt động âm nhạc cho trẻ em
26	Nguyễn Huỳnh Ân, 1958, Giảng viên	GV	Cử nhân, Việt Nam, 1988	Mỹ thuật, hội họa	Mỹ thuật
27	Lê Thị Hoàng Diệp, 1986, Giảng viên	GV	Cử nhân, Việt Nam, 2009	GD Mầm non	Vệ sinh - chăm sóc trẻ
28	Trần Thị Kim Thanh, 1984, Giảng viên	GV	Ths, Việt Nam, 2015	Thực phẩm dinh dưỡng	Dinh dưỡng trẻ em
29	Châu Thị Hồng Nhự, 1986, Giảng viên	GV	Ths, Việt Nam, 2013	Giáo dục học	Giáo dục hoà nhập Giáo dục học mầm non

30	Huỳnh Minh Giảng, 1969, Phó TP Khảo thí	GVC, 2011	Ths, Việt Nam, 2005	Khoa học Máy tính	Ứng dụng CNTT trong dạy học mầm non MN
31	Nguyễn Xuân Thành, 1978, Giảng viên	GV	Ths, Việt Nam, 2014	LLPPDH Âm nhạc	Đàn phím điện tử
32	Phan Thị Lan, 1971, Giảng viên	GV	Ths, Việt Nam, 2005	Tâm lý học & GDH	- Tổ chức hoạt động vui chơi - Nghề giáo viên mầm non
33	Bùi Hữu Mô, 1960, Trưởng khoa Tâm lý giáo dục	GVC 2006	Ths, Việt Nam, 2003	Tâm lý học & GDH	- Tâm lý học đại cương - Giao tiếp với trẻ em
34	Tôn Nữ Cẩm Hường, 1989, Giảng viên	GV	Ths, Việt Nam, 2012	Tâm lý học & GDH	- Giáo dục gia đình
35	Võ Thị Ngọc Hoa, 1977, Phó Trưởng khoa khoa học xã hội-nhân văn	GC	Ths, Việt Nam, 2007	Ngôn ngữ đối chiếu	- Tiếng Việt Thực hành
36	Mai Sơn Nam, 1957, Trưởng phòng Thanh tra	GVC 2006	Ths, Việt Nam, 2002	Quản lý giáo dục	- Tổ chức thực hiện chương trình GDMN - Đánh giá trong GD mầm non
37	Phan Thị Lan, 1972, Giảng viên	GV	Ths, Thái Lan, 2012	Nghệ thuật thị giác	- PP tổ chức hoạt động tạo hình cho trẻ em - Làm đồ chơi cho trẻ mầm non
38	Huỳnh Thị Như Huyền, 1975, Giảng viên	GVC 2011	Ths, Việt Nam, 2005	Ngôn ngữ	-PP phát triển ngôn ngữ cho trẻ Mầm non - Tổ chức hoạt động cho trẻ làm quen tác phẩm văn học
39	Mai Thị Lê Hải, 1984, Giảng viên	GV	Ths, Việt Nam, 2007	GD TH	PP hướng dẫn trẻ khám phá MT xung quanh
40	Nguyễn Thị Ái Thoa, 1981, Giảng viên	GV	Ths, Việt Nam, 2007	Văn học Việt Nam	Văn học dân gian
41	Lê Đức Huỳnh, 1958, Phó Trưởng khoa PT Nghệ thuật	GV	Cử nhân, Việt Nam, 1993	Mỹ thuật - Hội họa	Nghệ thuật tạo hình
42	Nguyễn Thế Dân, 1960, Giảng viên	GVC 2006	Ths, Việt Nam, 2003	Tâm lý học & GDH	-Giáo dục học đại cương - Tâm lý trẻ em
43	Khoa GD TH MN Khoa TLGD				Rèn luyện NVSP thường xuyên 1,2,3,4
44	Phan Thị Thanh Thúy, 1983, Giảng viên	GV	Cử nhân, Việt Nam, 2016	Dàn dựng	Múa và biên soạn động tác múa

10.2. Đội ngũ giảng viên thỉnh giảng

TT	Họ và tên, năm sinh, chức vụ hiện tại	Chức danh khoa học, năm phong	Học vị, nước, năm tốt nghiệp	Ngành, chuyên ngành	Học phần/môn học dự kiến đảm nhiệm
1	Nguyễn Văn Nhuận		Bác sĩ chuyên khoa 1		Phòng bệnh và đảm bảo an toàn cho trẻ
2	Lê Văn Năm, 1957	GVC 2003	Ths, Việt Nam, 1998	PPDH Toán	PP hình thành biểu tượng toán cho trẻ em

11. Cơ sở vật chất phục vụ học tập

11.1. Các phòng thí nghiệm và các hệ thống thiết bị thí nghiệm quan trọng

Trường Đại học Phú Yên có cơ sở vật chất tương đối hiện đại, đáp ứng nhu cầu đào tạo. Trường được quy hoạch thành khu vực với diện tích 25ha. Hiện tại, Nhà trường có 30 phòng học đạt chuẩn.

Các phòng học, phòng học chuyên dùng, phòng máy vi tính, các thiết bị và phương tiện dạy học được trang bị hiện đại đảm bảo phục vụ tốt cho công tác đào tạo chuyên ngành này.

- 1 Phòng dạy nấu ăn và 1 nhà ăn rộng 200m²
- 1 phòng dạy Mỹ thuật.
- 2 phòng dạy nhạc.
- 1 phòng dạy máy vi tính.
- 1 phòng thực hành Mầm non

11.2. Thư viện

Thư viện Trường Đại học Phú Yên có đầy đủ các đầu sách thuộc các lĩnh vực khoa học cơ bản, khoa học giáo dục, lý luận chính trị - xã hội, trong đó có đủ sách giáo trình tham khảo cho chuyên ngành đào tạo.

Đầy đủ tài liệu để phục vụ cho việc giảng dạy và học tập (khoảng 10 nghìn đầu sách và 1236m² sử dụng).

11.3. Danh mục giáo trình, tài liệu chính của ngành đào tạo

STT	Tên giáo trình	Tên tác giả	Nhà xuất bản	Năm XB	Số bản	Sử dụng cho môn học, học phần
1.	Giáo trình Chủ nghĩa XH khoa học	Bộ Giáo dục & Đào tạo	Chính trị Quốc gia, Hà Nội	2015		Những nguyên lý cơ bản của CN Mác-Lênin 1,2
2.	Giáo trình Tư tưởng Hồ Chí Minh	Bộ Giáo dục & Đào tạo	Chính trị Quốc gia, Hà Nội	2015		Tư tưởng Hồ Chí Minh
3.	Đường lối cách mạng của Đảng CSVN	Bộ Giáo dục & Đào tạo	Giáo dục	2015		Đường lối cách mạng của Đảng CS Việt Nam
4.	New English File – Pre-intermediate (Clive oxenden,Christina	Oxford University	2005		Tiếng Anh 1,2,3

	Student's book & Workbook)	latham – Koenig, Paul Seligson	Press			
5.	Tiếng Anh chuyên ngành Giáo dục Mầm non	Tài liệu lưu hành nội bộ	Trường ĐHSP Tp. Hồ Chí Minh			Tiếng Anh 4
6.	Tiếng Việt	Lê A (chủ biên)	Giáo dục	2007		Tiếng Việt
7.	Giáo trình Pháp luật đại cương	Bộ Giáo dục & Đào tạo	ĐHSP, Hà Nội	2015		Pháp luật đại cương
8.	Tài liệu hướng dẫn tổ chức hoạt động giáo dục trải nghiệm sáng tạo cho học sinh. Tài liệu hướng dẫn tổ chức hoạt động giáo dục trải nghiệm sáng tạo cho học sinh..	Nguyễn Thị Chi (Chủ biên) Trương Xuân Cảnh (Chủ biên)	Giáo dục	2017		Kỹ năng tổ chức hoạt động trải nghiệm
9.	Phương pháp nghiên cứu khoa học GD	Võ Thị Ngọc Lan, Nguyễn Ngọc Tuấn (2012)	ĐHQG Tp HCM	2012		Phương pháp nghiên cứu khoa học giáo dục
10	- Cơ sở văn hoá Việt Nam - Cơ sở văn hoá Việt Nam	Trần Quốc Vượng (CB) Trần Ngọc Thêm	Giáo dục HN	1998 1999		Cơ sở văn hóa Việt Nam
11	Mỹ học đại cương	Đỗ Văn Khang	ĐHQG HN	2002		Mỹ học đại cương
12	Đạo đức học	PTS Phạm Khắc Chương; PGS,TS. Hà Nhật Thăng	Giáo dục	1998		Đạo đức học
13	Giáo trình Logic học nhập môn	Nguyễn Huy Vị	Phương Đông	2014		Lôgic học đại cương
14	Nhập môn Lý thuyết tập hợp và lôgic toán	Nguyễn Văn Ngọc	ĐHSP Hà Nội	1995		Cơ sở lý thuyết tập hợp và logic toán
15	Giáo dục môi trường (tài liệu đào tạo và bồi dưỡng giáo viên tiểu học)	Lê Văn Trường – Nguyễn Kim Tiên	Giáo dục			Môi trường và con người
16	- Giáo trình tin học đại cương - Tin Học Văn Phòng Microsoft Office	-Nhóm tác giả trường Đại học Kinh tế TP. HCM -Phạm Phương Hoa, Phạm Quang Hiến	- Lao động – Xã hội -Thời Đại	2012 2014		Tin học đại cương
17	- Giáo trình Điện kinh - Sách Giáo Trình Thẻ Dục Nhào Lộn, Thẻ Dục Nghệ Thuật - Giáo trình thẻ dục	-Nguyễn Kim Minh -Phạm Nguyên Phùng, Vũ Thị Thư -Vũ Thanh Sơn, Nguyễn Danh, Hoàng Việt	ĐHSP Giáo dục ĐHSP	2003 2000 2003		Giáo dục thẻ chất 1

18	GT Điền kinh	Nguyễn Kim Minh (chủ biên), Nguyễn Trọng Hải	ĐHSP	2004	Giáo dục thể chất 2
19	- Sách Giáo trình Cầu lông. - Giáo trình Bóng chuyền	-Nguyễn Trọng Hải, Đào Chí Thành -Nguyễn Việt Minh	ĐHSP	2004 2003	Giáo dục thể chất 3
20	GT Văn học trẻ em	Lã Thị Bắc Lý	ĐHSP	2005	Văn học trẻ em
21	Giáo trình sinh lý trẻ	- Nguyễn Thị Phi Loan, Nguyễn thị Kiều Thu , Đỗ Trọng Đăng,	ĐHPY	2012	Sự phát triển thể chất trẻ em lứa tuổi mầm non
22	- Giáo dục âm nhạc, Tập 1 - Âm nhạc và múa	- Phạm Thị Hòa, Lê Đức Sang... -Lê Đức Sang, Hoàng Công Dụng, Trịnh Hoài Thu	ĐHSP	2007	Nhạc lý – kỹ thuật ca hát
23	Giáo trình Mỹ thuật cơ bản	Ngô Bá Công	Giáo dục	2008	Mỹ thuật
24	Phòng bệnh và đảm bảo an toàn cho trẻ mầm non	Lê Thị Mai Hoa (chủ biên)	ĐHSP	2011	Phòng bệnh và đảm bảo an toàn cho trẻ
25	Dinh dưỡng trẻ em	Lê Thị Mai Hoa	Giáo dục	2008	Dinh dưỡng trẻ em
26	Giáo trình phương pháp chăm sóc vệ sinh trẻ em	PGS.TS Hoàng Thị Phương	ĐH SP	2008	Vệ sinh – Chăm sóc trẻ
27	Giáo dục hòa nhập	Trần Thị Hiệp, Nguyễn Xuân Hải, Lê Thị Thúy Hằng	ĐHSP	2010	Giáo dục hòa nhập
28	GT Lí thuyết và Thực hành tin học văn phòng	Hoàng Đức Hải, Nguyễn Đình Tê	Giáo dục	2008	Giáo dục hòa nhập
29	Tập đề cương bài giảng (chưa có giáo trình)		LD&XH	2006	Ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học mầm non
30	- Giáo tiếp với trẻ em. - Giáo trình kỹ năng giao tiếp	- Võ Duy Dân - Chu Văn Đức			Đàn phím điện tử
31	Giáo dục gia đình	Ngô Công Hoàn	Nhà in Phúc Yên, Hà Nội	2006 2005	Giáo tiếp với trẻ em
32	Nghề Giáo viên mầm non	Hồ Hồng Lam	Giáo dục	2008	Giáo dục gia đình
33	Phát triển và tổ chức thực hiện chương trình giáo dục mầm non	Nguyễn Thị Thu Hiền	Giáo dục	2008	Nghề giáo viên mầm non
34	Tổ chức hoạt động vui chơi cho trẻ ở	Nguyễn Thị Thanh Hà	Lao động	2008	Tổ chức thực hiện chương trình giáo dục mầm non
			Giáo dục	2006	Tổ chức hoạt động vui chơi

	trường Mầm non					
35	Giáo dục âm nhạc, Tập 2	Phạm Thị Hòa	ĐHSP	2011		Phương pháp tổ chức hoạt động âm nhạc cho trẻ em
36	PP tổ chức hoạt động tạo hình cho trẻ Mầm non	Lê Thanh Thúy	ĐHSP	2003		Phương pháp tổ chức hoạt động tạo hình cho trẻ em
37	Phương pháp giáo dục thể chất cho trẻ	Đặng Hồng Phương	Giáo dục	2008		Phương pháp giáo dục thể chất cho trẻ mầm non
38	Giáo trình Phương pháp hướng dẫn trẻ mầm non làm quen với biểu toán ban đầu	Ths Lê Thị Thanh Nga	Giáo dục	2003		Tổ chức hoạt động hình thành biểu tượng toán cho trẻ em
39	PP hướng dẫn trẻ làm quen tác phẩm văn học	Ngô Thái Sơn	Giáo dục	2006		Tổ chức hoạt động cho trẻ làm quen với tác phẩm văn học
40	Giáo trình Phương pháp phát triển ngôn ngữ cho trẻ Mầm non	Đinh Hồng Thái	Giáo dục	2008		Phương pháp phát triển ngôn ngữ cho trẻ em
41	Phương pháp cho trẻ khám phá khoa học về môi trường xung quanh	Hoàng Thị Oanh, Nguyễn Thị Xuân	Giáo dục	2009		Phương pháp hướng dẫn trẻ làm quen môi trường xung quanh
42	Tiếng Việt thực hành	Bùi Minh Toán, Nguyễn Thị Lanh	ĐHSP	2004		Tiếng Việt thực hành
43	Thẻ đục nghệ thuật và Thẻ đục nhào lộn	Phạm Nguyên Phùng, Vũ Thị Thư	Giáo dục	2000		Thẻ đục nghệ thuật
44	Giáo trình mỹ thuật cơ bản	Ngô Bá Công	ĐHSP	2011		Nghệ thuật tạo hình
45	Tâm lý học đại cương	Nguyễn Quang Uân	Hà Nội	2004		Tâm lý học đại cương
46	Tâm lý học trẻ em lứa tuổi mầm non	Nguyễn Ánh Tuyết, Nguyễn Thị Như Mai, Đinh Thị Kim Thoa	ĐHSP	2004		Tâm lý học trẻ em
47	Giáo dục học đại cương	Bùi Thanh Huyền	Giáo dục	2006		Giáo dục học đại cương
48	- Giáo trình giáo dục học trẻ em (2 tập) - Giáo trình giáo dục học mầm non	-Trịnh Dân	Giáo dục	2006		Giáo dục học mầm non
		-Đinh Văn Vang	Giáo dục	2008		
49	Rèn luyện Nghiệp vụ sư phạm thường xuyên	Nguyễn Việt Bắc	Giáo dục	2007		Rèn luyện NVSPTX 1,2,3,4
50	Quản lý và lãnh đạo nhà trường	Bùi Minh Hiền – Nguyễn Vũ Bích Hiền	ĐHSP	2015		Quản lý nhà trường
51	Âm nhạc và múa	Lê Đức Sang, Hoàng Công	Giáo dục	2008		Múa và biên soạn động tác múa

		Dụng, Trịnh Hoài Thu				
52	Đồ chơi và cách làm đồ chơi cho trẻ	Nguyễn Lăng Bình (chủ biên)	Nhà in Tạp chí Cộng sản	1996		Làm đồ chơi cho trẻ mầm non
53	Phương pháp đọc diễn cảm	Hà Nguyễn Kim Giang	ĐHSP	2007		Phương pháp đọc, kể diễn cảm tác phẩm văn học
54	Văn học dân gian Việt Nam	Đình Gia Khánh, Chu Xuân Diên, Võ Quang Nhơn	Giáo dục	1997		Văn học dân gian

11.4. Danh mục tài liệu tham khảo của ngành đào tạo

STT	Tên giáo trình	Tên tác giả	Nhà xuất bản	Năm XB	Số bản	Sử dụng cho môn học, học phần
1.	Thực tập sư phạm của sinh viên năm thứ III hệ CĐSP	Phạm Trung Thanh	ĐHSP Hà Nội	2004		-TTSP 1 -TTSP 2
2.	Kiến tập và thực tập sư phạm (giáo trình đào tạo giáo viên THCS hệ CĐSP)	Nguyễn Đình Chính, Phạm Trung Thanh	Giáo dục	1998		-TTSP 1 -TTSP 2
3.	Thực tập sư phạm	Nguyễn Đình Chính	Giáo dục	1991		-TTSP 1 -TTSP 2
4.	Giáo trình nhạc lí phổ thông	Phạm Trọng Cầu	Giáo dục	1998		Âm nhạc
5.	Lý thuyết âm nhạc cơ bản	Phạm Tú Hương	Giáo dục	2000		Âm nhạc
6.	Hát 1	Ngô Thị Nam	ĐHSP	1995		Âm nhạc
7.	Múa dân tộc Việt Nam	TS. Lâm Tô Lộc	Văn hóa	1978		Múa và biện soạn động tác múa
8.	Khái niệm nghệ thuật múa	PTS Lê Ngọc Canh	Văn hóa thông tin	1997		Múa và biện soạn động tác múa
9.	Trẻ mầm non ca hát	Hoàng Văn Yên	Giáo dục	1995		Phương pháp tổ chức hoạt động âm nhạc cho trẻ em
10.	Tư tưởng Hồ Chí Minh về đạo đức	PGS,PTS Nguyễn Thành Duy (chủ biên)	CTQG	1996		Tư tưởng Hồ Chí Minh
11.	Toán và PP hình thành các biểu tượng toán học cho trẻ Mẫu giáo (T1&T2)	Đình Thị Nhung	ĐHSP	2003		Phương pháp hình thành biểu tượng toán học sơ đẳng cho trẻ em.
12.	Giáo dục học Mầm non	Đào Thanh Âm (CB)	ĐHSP Hà Nội	2002		Giáo dục học mầm non
13.	Giáo dục học	Hà Thế Ngữ Đặng Vũ Hoạt	Giáo dục	1987		Giáo dục học đại cương
14.	Giáo dục học đại cương	Nguyễn Sinh Huy,	Giáo dục	2000		Giáo dục học đại cương

		Nguyễn Văn Lê			
15.	Mỹ học và GD thẩm mỹ	Phạm Việt Hoa, Nguyễn T. Hoàng Yến	ĐHSP Hà Nội	2005	Mỹ học đại cương
16.	Giáo trình Mỹ học đại cương	Lê Ngọc Trà, Lâm Vinh, Huỳnh Như Phương	Giáo dục	2005	Mỹ học đại cương
17.	Tạo hình và PP hướng dẫn hoạt động tạo hình cho trẻ (Q2)	Đặng Hồng Nhật	ĐHQG HN	2006	Làm đồ chơi cho trẻ em
18.	Tạo hình và phương pháp hướng dẫn hoạt động tạo hình (T1+2)	Nguyễn Lăng Bình, Nguyễn Xuân Hòa	Giáo dục	1996	- Mỹ thuật - Nghệ thuật tạo hình
19.	Tạo hình và PP hướng dẫn hoạt động tạo hình cho trẻ	Đặng Hồng	ĐHQGHN	2006	Phương pháp tổ chức hoạt động tạo hình cho trẻ em
20.	Phương pháp tổ chức hoạt động cho trẻ LQ TPVH	Hà Nguyễn Kim Giang	Giáo dục	2000	-PP đọc diễn cảm tác phẩm văn học - PP cho trẻ làm quen TPVH
21.	Tiếng Việt và phương pháp phát triển lời nói cho trẻ em	Nguyễn Quang Ninh, Bùi Kim Tuyền, Lư Thị Lan	Giáo dục	1996	Phương pháp phát triển ngôn ngữ cho trẻ em
22.	Giúp con bạn phát triển	Trung tâm nghiên cứu GDMN		2002	Giáo dục gia đình
23.	Chăm sóc giáo dục trẻ từ 0-6 tuổi		Giáo dục		Chăm sóc trẻ từ 0 -> 6 tuổi
24.	Tâm lý học trẻ em lứa tuổi mầm non	Nguyễn Ánh Tuyết, Nguyễn Thị Như Mai, Đinh Thị Kim Thoa	ĐHSP	2002	Tâm lý học trẻ em
25.	Tâm lý trẻ em	Ngô Công Hoàn, Nguyễn Thị Mai Hà	Hà Nội	1997	Tâm lý học trẻ em
26.	Phương pháp hướng dẫn trẻ làm quen với môi trường xung quanh	Lê Ánh Tuyết, Phạm Thị Việt, Đặng Thu Quỳnh	Giáo dục	1996	Phương pháp hướng dẫn trẻ làm quen môi trường xung quanh
27.	Giáo dục trẻ mẫu giáo qua truyện và thơ	Nguyễn Thu Thủy	Giáo dục	1986	PP làm quen với văn học
28.	Cẩm nang điều trị nhi khoa	G.s Nguyễn Thu Nhận	Y học	1991	Phòng bệnh và đảm bảo an toàn
29.	Tâm lý học (tập 1,2)	Phạm Minh Hạc, Lê Khanh, Trần Trọng Thủy	Giáo dục, Hà Nội	1998	Tâm lý học đại cương
30.	Tâm lý học trẻ em trước tuổi học	Nguyễn Ánh Tuyết	Giáo dục	1998	Tâm lý học trẻ em

31.	Nuôi dạy con như thế nào	B.S,Pak	Phụ nữ	1974		Giáo dục gia đình
32.	Chương trình chăm sóc trẻ nhà trẻ và mẫu giáo	Bộ GD &ĐT		2009		Tổ chức thực hiện chương trình GDMN
33.	Phát triển chương trình giáo dục mầm non *kinh nghiệm Singapor*	Vụ giáo dục mầm non		2006		Tổ chức thực hiện chương trình GDMN
34.	Tổ chức môi trường giáo dục trong trường mầm non	Trần lan Hương	Lưu hành nội bộ			Tổ chức thực hiện chương trình GDMN
35.	Cẩm nang quản lý nhà trường	Tập thể tác giả	Chính trị quốc gia	2006		Quản lý nhà trường mầm non
36.	Tinh hoa quản lý	Tập thể tác giả	Lao động	2003		Quản lý nhà trường mầm non
37.	Nghệ thuật lãnh đạo quản lý	Lý Ân – Lý Dương	Thống kê	1999		Quản lý nhà trường mầm non
38.	Chương trình chăm sóc trẻ nhà trẻ và mẫu giáo	Bộ GD &ĐT		2009		Quản lý nhà trường mầm non
39.	Những cách thức của quản lý của thế kỉ XXI	Peter Drucker	Trẻ HCM	2003		Quản lý nhà trường mầm non
40.	Đề nhà quản lý thành công	Richrd Sloma	Thông tin	1999		Quản lý nhà trường mầm non
41.	Phát triển chương trình giáo dục mầm non *kinh nghiệm Singapor*	Vụ giáo dục mầm non		2006		Quản lý nhà trường mầm non
42.	Tổ chức môi trường giáo dục trong trường mầm non	Trần Lan Hương	Lưu hành nội bộ			Quản lý nhà trường mầm non
43.	Phương pháp luận nghiên cứu khoa học	Vũ Cao Đàm	Khoa học & kỹ thuật	1999		Phương pháp NCKH
44.	Quản lý hoạt động nghiên cứu khoa học sư phạm ứng dụng và sáng kiến kinh nghiệm tại các trường phổ thông	Học viện quản lý giáo dục		2013		Phương pháp NCKH
45.	Cơ sở sinh thái học	Mai Đình Yên	Đại học Tổng hợp Hà Nội			PP hướng dẫn trẻ làm quen môi trường xung quanh
46.	Việt Nam văn hóa sử cương	Đào Duy Anh	TP Hồ Chí Minh	1992		Cơ sở văn hóa Việt Nam
47.	Giá trị tinh thần truyền thống dân tộc của Việt Nam	Trần Văn Giàu	Khoa học xã hội, Hà Nội	1980		Cơ sở văn hóa Việt Nam
48.	Mỹ học đại cương	TS Đỗ Văn Khang	Giáo dục	1997.		Mỹ học đại cương
49.	Nhập môn Lý thuyết tập hợp và logic toán	Nguyễn Văn Ngọc	ĐHSP Hà Nội	1995		Cơ sở lý thuyết tập hợp và logic toán

50.	Dinh dưỡng người	Lê Doãn Điền, Vũ Thị Thu	Y học	1996	Dinh dưỡng trẻ em
51.	Khoa học trong ăn uống	Vũ Định	Phụ nữ	1986	Vệ sinh – Chăm sóc trẻ Dinh dưỡng trẻ em
52.	Các bài mẹ nuôi con cần biết	Lê Diễm Hương	Y học	1982	Dinh dưỡng trẻ em
53.	Chăm sóc bảo vệ sức khỏe từ 0-6 tuổi	Phạm Mai Chi, Lê Thị Ngọc Ái	Giáo dục	1998	Chăm sóc trẻ từ 0 -> 6 tuổi
54.	Giải phẫu sinh lý vệ sinh phòng bệnh trẻ em	Trần Trọng Thủy, Trần Quy	Giáo dục	1998	Phòng bệnh và đảm bảo an toàn
55.	Phát triển ngôn ngữ ở trẻ mầm non	Lê Thị Kim Anh	Giáo dục	1999	Phương pháp phát triển ngôn ngữ cho trẻ em
56.	Tạo hình và phương pháp hướng dẫn hoạt động tạo hình	Nguyễn Lăng Bình, Phan Việt Hoa	Hà Nội	1994	Phương pháp tổ chức hoạt động tạo hình cho trẻ em
57.	Tiếng Việt thực hành	Nguyễn Minh Thuyết Hà Thúc Hoan	Giáo dục ĐHSP	1996 1998	Tiếng Việt thực hành
58.	Tuyển tập văn học dân gian Việt Nam	Viện văn học	Giáo dục	1999	Văn học dân gian

12. Hướng dẫn thực hiện chương trình

- Chương trình ngành Giáo dục Mầm non, trình độ đại học được soạn thảo theo Quyết định số 454/QĐ-ĐHPY, ngày 31/8/2015 của Hiệu trưởng Trường Đại học Phú Yên Quy định về việc Ban hành Quy định về khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp trình độ đại học, cao đẳng và quy trình xây dựng, thẩm định, ban hành chương trình đào tạo trình độ đại học, cao đẳng.

- Khối lượng kiến thức toàn chương trình được thiết kế gồm 131 tín chỉ chưa kể phần nội dung về Giáo dục thể chất và Giáo dục quốc phòng, phù hợp với chương trình đại học 4 năm.

- Việc đánh giá kết quả người học, học theo tiến độ nhanh, tiến độ chậm; học cùng lúc hai chương trình; chuyển trường; xét tốt nghiệp... của chương trình ngành Giáo dục Mầm non được thực hiện theo Quyết định số 397/QĐ-ĐHPY ngày 03 tháng 8 năm 2015 của Hiệu trưởng Trường Đại học Phú Yên Quy định về việc ban hành Quy chế học vụ trình độ đại học, cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ.

- Danh mục và khối lượng các học phần quy định tại mục 7 gồm 2 phần: Những học phần bắt buộc sinh viên phải thực hiện; Những học phần tự chọn sinh viên thực hiện theo hướng dẫn của nhà trường nhằm đa dạng hóa hướng chuyên môn phù hợp với ngành đào tạo để tích lũy đủ số tín chỉ quy định của chương trình.

- Mỗi học phần được liệt kê ở bảng danh mục các học phần trong chương trình đào tạo (mục 7) đều có đề cương chi tiết học phần (kể cả các học phần tự chọn). Trong đề cương chi tiết các học phần có nêu rõ nội dung trọng tâm, những giáo trình, tài liệu học tập và tham khảo để sinh viên có thể lựa chọn và chuẩn bị để học tập.

- Chương trình đào tạo thiết kế cho 8 học kỳ chính. Ngoài 8 học kỳ chính, Hiệu trưởng xem xét quyết định tổ chức thêm các học kỳ phụ vào thời gian hè để sinh viên có điều kiện học lại; học cải thiện điểm; học bù hoặc học vượt.

- Kế hoạch đào tạo cho các học kỳ được xây dựng trong mục 8 chỉ có tính chất định hướng (dự kiến). Trên cơ sở khung thời gian, chương trình đào tạo và cơ sở vật chất phục vụ do nhà trường quy định, sinh viên sẽ đăng ký học các học phần bắt buộc và tự chọn riêng cho mình, xây dựng cho mình một kế hoạch học tập theo sự tư vấn của cố vấn học tập. Việc đăng ký các học phần sẽ học cho từng học kỳ phải bảo đảm điều kiện tiên quyết của từng học phần.

- Lưu ý về khối lượng học tập tối thiểu mà mỗi sinh viên phải đăng ký trong mỗi học kỳ được quy định tại Quy chế học vụ như sau:

+ 14 tín chỉ cho mỗi học kỳ, trừ học kỳ cuối khóa học, đối với những sinh viên được xếp hạng học lực bình thường;

+ 10 tín chỉ cho mỗi học kỳ, trừ học kỳ cuối khóa học, đối với những sinh viên đang trong thời gian bị xếp hạng học lực yếu.

+ Không quy định khối lượng học tập tối thiểu đối với sinh viên ở học kỳ phụ.

+ Sinh viên đang trong thời gian bị xếp hạng học lực yếu chỉ được đăng ký khối lượng học tập không quá 14 tín chỉ cho mỗi học kỳ. Không hạn chế khối lượng đăng ký học lập của những sinh viên xếp hạng học lực bình thường.

- Chỉ những sinh viên đủ điều kiện thực hiện khóa luận tốt nghiệp theo quy định của trường mới được đăng ký học phần “Khóa luận tốt nghiệp”. Sinh viên không thực hiện khóa luận phải đăng ký học các học phần thay thế với số lượng 7 tín chỉ.


KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG
TS. Nguyễn Định